

Bản án số: 132/2026/HS-ST  
Ngày: 07 - 09 - 2026.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Khanh.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Đào Xuân Khương.

2. Ông Đinh Chí Kiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 09 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – N sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 112/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 08 năm 2026. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 08 năm 2026 đối với bị cáo:

**Phạm Đức A**, sinh năm 1982 tại tỉnh Ninh Bình. Căn cước công dân số 0370820047xx. Nơi cư trú: số nhà A, đường H, tổ dân phố P, phường N, tỉnh Ninh Bình (trước đây là tổ D, phường N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị T1. Bị cáo có vợ là Lê Thị Phương L (đã ly hôn) và có hai con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2011

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 20/5/2011, Cơ quan CSĐT Công an thành phố P, tỉnh Hà Nam cũ khởi tố bị can về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 21/9/2011, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam cũ ra Quyết định đình chỉ vụ án hình sự đối với bị cáo Phạm Đức A.

- Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 18/QĐ-ANĐT-Đ2, ngày 13/5/2026 và Quyết định khởi tố bị can số 56/QĐ-ANĐT-Đ2, ngày 13/5/2026, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh N khởi tố bị can đối với Phạm Đức A về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 186/2026/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2026 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã xử phạt bị cáo Phạm Đức A 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức A:* Bà Phạm Thị M - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Đinh Thị T2, sinh năm 1979. Nơi cư trú: thôn H, xã P, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xóm B, xã P, tỉnh Ninh Bình) (đã chết)

- *Những người đại diện hợp pháp của bị hại:*

+ Ông Đinh Văn T3, sinh năm 1944

+ Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1949.

+ Anh Mai Văn H, sinh năm 1975

+ Anh Mai Tiến D, sinh năm 1999

+ Chị Mai Thu L1, sinh năm 2002

+ Chị Mai Thị Thu T4, sinh năm 2008.

Đều cư trú: thôn H, xã P, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xóm B, xã P, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại:* Anh Mai Tiến D, sinh năm 1999, Nơi cư trú: thôn H, xã P, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xóm B, xã P, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt

- *Người làm chứng:* Ông Tống Văn T5, Bà Đỗ Thị Đ, Ông Phạm Văn Ú; những người làm chứng vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04h30' ngày 06/01/2026, Phạm Đức A có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60F1-796.80 chở chị Đinh Thị T2, sinh năm 1979, trú tại xóm B L (nay là thôn H), xã P, tỉnh Ninh Bình ngồi sau đi theo đường ĐT482C (đường Đ sông V là đoạn đường đang được xây dựng) để đi về xã P. Khi đi đến đoạn đường từ Km9+920 đến Km17+760 do Công ty TNHH X địa chỉ tại số H, đường L, phường H, tỉnh Ninh Bình xây dựng, Phạm Đức A biết đường đang thi công nhưng không chú ý quan sát biển báo nên không phát hiện biển báo “CÔNG TRƯỜNG ĐANG THI CÔNG 5km/h” của Công ty TNHH X lắp đặt ở bên phải đường theo hướng di chuyển. Đến khoảng 04h54' cùng ngày, Phạm Đức A điều khiển xe mô tô đi đến đoạn Km15+600 đường ĐT482C thuộc xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình theo hướng xã Y - xã P. Lúc này, trời tối, trên đường không có đèn đường quá trình điều khiển xe mô tô Đức A quay lại nói chuyện với chị T2, tay trái lấy điện thoại trong túi đưa vòng qua vai cho chị T2 để xem giờ nên lái xe mô tô bằng một tay. Do không chú ý quan sát phía trước, không phát hiện được đoạn đường phía trước mặt đường chưa được đổ bê tông, gồ ghề khó di chuyển để giảm tốc độ phù hợp đảm bảo an toàn. Phạm Đức A đã điều khiển xe mô tô đi vào phần mặt đường ĐT482C chưa được đổ bê tông, có nhiều đất, đá gồ ghề không bằng phẳng (không đi vào lối đi phía bên phải đường theo hướng xã Y - xã P được Công ty TNHH X mở để đi tránh đoạn đường gồ ghề) dẫn đến xe mô tô bị đổ

trượt trên mặt đường một đoạn dài 36,1m, chị T2 bị văng khỏi xe ngã trên mặt đường ĐT482C, xe mô tô và Đức A ngã đổ nằm trên mặt đường ĐT482C. Hậu quả, xe mô tô biển kiểm soát 60F1-796.80 bị bốc cháy, Đức A và chị T2 bị thương được đưa đi cấp cứu. Chị T2 bị tử vong trên đường đi cấp cứu còn Đức A được điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh N đến ngày 13/01/2026 ra viện.

Sau khi nhận được trình báo Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu thập dữ liệu camera an ninh tại khu vực hiện trường, khám nghiệm phương tiện và ra quyết định trưng cầu pháp y tử thi xác định nguyên nhân tử vong của chị Đinh Thị T2, kết quả:

#### **Các kết luận Giám định:**

\* Nguyên nhân tử vong của chị Đinh Thị T2: Tại Bản kết luận giám định số 486/KL-KTHS ngày 04/02/2026 của Phòng K Công an tỉnh N, kết luận: *“Nguyên nhân chết của Đinh Thị T2: Đa chấn thương”*.

\* Nguyên nhân cháy đối với xe mô tô BKS 60F1-796.80: Tại Bản kết luận giám định số 529/KL-KTHS ngày 26/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh N, kết luận: *“Quá trình xe mô tô di chuyển với tốc độ cao qua đoạn đường không bằng phẳng (có nhiều đất đá nhô cao) khu vực gầm động cơ (bao gồm cả hệ thống cung cấp nhiên liệu) va chạm mạnh với đất, đá trên mặt đường làm hệ thống cung cấp nhiên liệu bị hỏng, xăng rò rỉ chảy ra ngoài tiếp xúc với nguồn nhiệt tại bộ phận máy thì bùng cháy và cháy lan ra các bộ phận khác của xe”*.

\* Giám định nồng độ cồn và ma túy đối với mẫu máu của Phạm Đức A: Tại Bản kết luận giám định số 06/KLGDĐC-TTPY ngày 02/02/2026 của Trung tâm pháp y tỉnh N, kết luận: *“Không tìm thấy: Nồng độ cồn (E) trong máu: C=0,00 mg/100ml. Không tìm thấy các chất ma túy trong máu”*.

\* Giám định kỹ thuật số điện tử đối với 03 tệp tin video thu giữ gần khu vực hiện trường có nội dung liên quan đến vụ việc: Tại Bản kết luận giám định số 935/KL-KTHS ngày 16/03/2026 của Phòng K Công an tỉnh N, kết luận: *“Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp tin video gửi giám định. Không đủ cơ sở xác định tốc độ xe mô tô BKS 60F1-796.80 xuất hiện tại thời điểm 04 giờ 54 phút 23 giây ngày 06/01/2026 trong mẫu cần giám định là tệp tin video tên “Camera 01” và tệp tin video tên “Camera 02”*.

Về thương tích của Phạm Đức A: Tại Hồ sơ bệnh án tại Bệnh viện đa khoa tỉnh N xác định Phạm Đức A bị: Mặt sưng nề, sây sát nhiều vùng trán và đầu; 01 vết thương trán kích thước (12x2) cm; 01 vết thương trán gần chân tóc mai kích thước (2x0,5) cm; 02 vết thương vùng đầu kéo dài từ chân tóc mai lên đỉnh đầu kích thước (5x1) cm sâu và (5x1) cm nông; gãy xương chày, gãy kín.

#### **Về trách nhiệm dân sự:**

Quá trình điều tra, bị cáo đã thoả thuận bồi thường cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 90.000.000 đồng trong đó 40.000.000 đồng (là chi phí mai táng). Số tiền còn lại 50.000.000 đồng là khoản tiền đền bù tổn thất tinh thần hai bên đã thống nhất về cách thức thanh toán. Gia đình bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Quá trình điều tra bị cáo Phạm Đức A đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số 82/CT-VKSKV4 ngày 07 tháng 08 năm 2026 Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Đức A về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức A phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức A từ 15 (*mười lăm*) tháng đến 18 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo do bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo.

Người bào chữa cho bị cáo tại phiên toà có ý kiến: Hành vi phạm tội của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình truy tố về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên bị cáo phạm tội với lỗi vô ý do câu thả, chủ quan, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn một mình bị cáo nuôi hai con và mẹ già yếu, bố bị cáo là người có công nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025 để áp dụng cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất đề bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về gia đình và xã hội.

Lời nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án phù hợp để bị cáo có cơ hội trở thành công dân có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên toà như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai đại diện bị hại, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác như biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định tử thi số 486/KL-KTHS ngày 04/02/2026 của Phòng K Công

an tỉnh N. Bản kết luận giám định số 529/KL-KTHS ngày 26/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh N. Đồng thời phù hợp với các vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 04h54' ngày 06/01/2026, Phạm Đức A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60F1-796.80 chở người ngồi sau là chị Đinh Thị T2 trên đường ĐT482C. Khi đến Km15+600 thuộc xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình theo hướng xã Y - xã P. Lúc này, trời tối, trên đường không có đèn đường hạn chế tầm nhìn, Phạm Đức A điều khiển xe mô tô không chú ý quan sát phía trước, không phát hiện biển báo “CÔNG TRƯỜNG ĐANG THI CÔNG 5km/h”, không phát hiện được đoạn đường phía trước mặt đường chưa được đổ bê tông, gồ ghề nhiều đất đá; một tay điều khiển phương tiện và không giảm tốc độ phù hợp để đảm bảo an toàn dẫn đến xe mô tô đi vào đoạn đường gồ ghề dẫn đến mất lái bị đổ trượt trên mặt đường một đoạn dài 36,1m, chị Đinh Thị T2 và Phạm Đức A bị ngã ra đường vi phạm Khoản 2 và điểm b, c Khoản 3 Điều 12 Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ. Hậu quả, xe mô tô biển kiểm soát 60F1-796.80 bị cháy, chị Đinh Thị T2 bị tử vong trên đường đưa đi cấp cứu.

[2]. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được việc điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông phải tuân thủ các quy định của pháp luật về các điều kiện cần thiết khi tham gia giao thông. Nhưng bị cáo đã rất chủ quan, cầu thả và thiếu trách nhiệm khi tham gia giao thông dẫn đến việc gây ra tai nạn ngoài ý muốn. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội mặc dù bị cáo phạm tội với lỗi vô ý nhưng hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm **đến sức khỏe** của người khác **là** những khách thể được pháp luật bảo vệ.

[3]. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

### **“Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.**

*1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

.....

*a) Làm chết người;*

.....”

*5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.*

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Gia đình bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố bị cáo là người có công nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: bị cáo có nhân thân xấu tháng 4 năm 2026 bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng và ngày 29 tháng 7 năm 2026 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã xử phạt bị cáo Phạm Đức A 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhân thân xấu. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục đấu tranh phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là lỗi vô ý do cầu thả và chủ quan, phạm tội không phải trong lúc hành nghề lái xe. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 90.000.000 đồng trong đó 40.000.000 đồng (là chi phí mai táng cho bị hại). Số tiền còn lại 50.000.000 đồng là khoản tiền đền bù tổn thất tinh thần hai bên đã thống nhất về cách thức thanh toán. Gia đình bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Do vậy về vấn đề trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã trả xe mô tô biển kiểm soát: 60F1-796.80, Số khung: RLCUG0610FY068858, Số máy: G3D4E077961; Các mảnh nhựa vỡ; Yên xe mô tô màu đen; Mũ lưỡi trai màu đen; Mảnh kim loại màu đen đồ kích thước (0,31x0,04) và nắp bình xăng cho bị cáo. Đây là các tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Phạm Đức A. Việc xử lý vật chứng của cơ quan Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã đúng về trình tự, thẩm quyền. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với giấy phép lái xe mô tô của Phạm Đức A, quá trình điều tra Đức A khai nhận để trong cốp xe mô tô sau tai nạn đã bị cháy nên không thu giữ được. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về việc tổng hợp hình phạt: Bản án Hình sự sơ thẩm số 186/2026/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2026 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã xử phạt bị cáo Phạm Đức A 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”., bị cáo Phạm Đức A kháng cáo bản án, do đó bản án số 186/2026/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2026 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình chưa có hiệu lực pháp luật.

Sau khi các bản án đã tuyên có hiệu lực pháp luật sẽ được tổng hợp hình phạt theo trình tự quy định của Bộ luật Hình sự.

[9] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Bị cáo Phạm Đức A bị kết án là có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, tuy nhiên bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 331, 333; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Đức A phạm tội: *“Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”*.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức A 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Đức A do bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/09/2026). Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi*

*hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình : 01 bản
- Phòng PC02 Công an tỉnh: 01 bản;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh (PC10): 01 bản;
- Phòng HS&NV Công an tỉnh: 01 bản;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình: 01 bản
- Bị cáo: 01 bản.
- Người bào chữa cho bị cáo: 01 bản
- người đi diện bị hại: 01 bản.
- Lưu hồ sơ: 01 bản.
- Lưu VP: 02 bản.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Trần Thị Khanh**